

# THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

*TS. Phạm Thị Hải Hà  
Phó Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội  
Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*

## **1. Khái quát về dịch vụ công**

Lịch sử phát triển của xã hội cho thấy dịch vụ công gắn với sự ra đời và phát triển của nhà nước cầm quyền, là một trong những chức năng quan trọng của nhà nước gắn với việc phục vụ nhu cầu, lợi ích thiết yếu của công dân, tổ chức nhằm góp phần thúc đẩy đảm bảo quyền con người, công bằng, an ninh và an toàn xã hội. Nhà nước của bất kỳ chế độ nào cũng bao gồm hai chức năng cơ bản: chức năng quản lý (hay còn gọi là chức năng cai trị) và chức năng phục vụ (hay còn gọi là chức năng cung cấp dịch vụ cho xã hội). Có nhiều định nghĩa khác nhau về dịch vụ công và vai trò của nhà nước trong việc cung ứng các dịch vụ này, song có thể hiểu dịch vụ công là những dịch vụ thực hiện chức năng xã hội của Nhà nước, do Nhà nước trực tiếp đảm nhận hoặc do tư nhân được nhà nước uỷ quyền thực hiện cung cấp tới mọi tổ chức và công dân, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, phục vụ các nhu cầu thiết yếu, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của các tổ chức và công dân nhằm đảm bảo trật tự và công bằng xã hội. Nhà nước giữ vai trò đảm bảo các dịch vụ này cho xã hội. Ngay cả khi nhà nước chuyển giao một phần việc cung ứng dịch vụ công cho khu vực tư nhân thì nhà nước vẫn có vai trò điều tiết nhằm đảm bảo sự công bằng trong phân phối các dịch vụ này và khắc phục những bất cập của thị trường.

Theo tính chất và tác dụng của dịch vụ được cung ứng, có thể phân loại dịch vụ công gồm: Dịch vụ hành chính công (các hoạt động của cơ quan hành chính về cấp phép, hộ khẩu, hộ tịch, thuế vụ, trật tự, ...); Dịch vụ sự nghiệp công (các hoạt động phục vụ nhu cầu về tinh thần và sức khỏe của người dân như giáo dục, văn hoá, y tế, thể thao...); Dịch vụ công ích (các hoạt động cung cấp các hàng hoá, dịch vụ cơ bản, thiết yếu cho người dân và cộng đồng như: vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, cấp nước sạch, vận tải công cộng đô thị, phòng chống thiên tai ).

Theo nhóm chủ thể cung ứng, dịch vụ công gồm: Dịch vụ công do cơ quan nhà nước trực tiếp cung cấp; Dịch vụ công do các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân cung cấp; Dịch vụ công do tổ chức nhà nước, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tư nhân phối hợp thực hiện.

## **2. Nhu cầu về dịch vụ công ngành lao động, thương binh và xã hội**

Theo Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/2/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý gồm 10 lĩnh vực: 1) Lao động, tiền lương; 2) Việc làm; 3) Giáo dục nghề nghiệp, trừ sư phạm; 4) Bảo hiểm xã hội; 5) An toàn, vệ sinh lao động; 6) Người có công; 7) Bảo trợ xã hội, gồm: giảm nghèo và trợ giúp xã hội; 8) Trẻ em; 9) Phòng, chống tệ nạn xã hội; 10) Bình đẳng giới. Như vậy, có thể hiểu: Dịch vụ công ngành Lao động, Thương binh và Xã hội là những dịch vụ gắn với các lĩnh vực thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quản lý theo quy định tại Nghị định số 14/2017/NĐ-CP, do ngành Lao động, Thương binh và Xã hội trực tiếp đảm nhận hoặc do tư nhân được ngành Lao động, Thương binh và Xã hội uỷ quyền thực hiện cung cấp tới mọi tổ chức và công dân, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, phục vụ các nhu cầu thiết yếu, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của các tổ chức và công dân nhằm đảm bảo trật tự và công bằng xã hội.

*Thứ nhất, về dịch vụ công về chăm sóc người có công:*

Hiện nay cả nước có 9 triệu người có công, trong đó gần 1,4 triệu người có công đang hưởng chế độ ưu đãi hàng tháng; gần 1 triệu người hưởng chế độ ưu đãi về BHYT và mai táng phí khi họ qua đời. Toàn quốc có 52 trung tâm điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công với cách mạng và hàng năm tiếp nhận điều dưỡng luân phiên hàng năm là 695.480 lượt. Dịch vụ chăm sóc đối tượng Người có công đang hướng đến: Đảm bảo 100% người có công được tiếp nhận các dịch vụ chăm sóc phù hợp, kịp thời và có chất lượng; Phát triển mạng lưới trung tâm cung cấp dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trên toàn quốc. Tăng cường cải thiện cơ sở vật chất của các trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu về chất lượng cuộc sống của người có công tại trung tâm; Hoàn thiện các chế độ trợ cấp đối với người có công như: trang cấp thiết bị chỉnh hình, phục hồi chức năng; chăm sóc sức khỏe định kỳ; chế độ nuôi dưỡng, điều dưỡng ...; Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi, quản lý hồ sơ người có công với cách mạng.

*Thứ hai, về dịch vụ công về trợ giúp xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới:*

Đặc trưng của trợ giúp xã hội (TGXH) là hướng đến hỗ trợ cho các đối tượng để khắc phục tình trạng khó khăn, thực hiện quyền và nhu cầu căn bản của con người. Đối tượng thụ hưởng dịch vụ bao gồm toàn bộ các đối tượng được quy định theo các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước về TGXH và các đối tượng có nhu cầu về dịch vụ công tác xã hội (CTXH) tại cộng đồng. Hiện nay, số

người có nhu cầu sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội rất lớn và không ngừng tăng lên, gồm: hơn 10 triệu người cao tuổi, 6,2 triệu người khuyết tật, 1,5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khoảng 9,6% số hộ gia đình nghèo, hơn 200.000 người nhiễm HIV được phát hiện, khoảng 2,7 triệu đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước; 22% gia đình có bạo lực và 21,1% phụ nữ bị bạo hành ở các cấp độ khác nhau; .... Tính đến nay, nước ta có 425 cơ sở bảo trợ xã hội trong đó có 250 cơ sở công lập và 175 cơ sở ngoài công lập, với 14.500 cán bộ, nhân viên. Cơ sở bảo trợ xã hội có nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội; cung cấp dịch vụ công tác xã hội đối với cá nhân, gia đình. Hiện nay, đa số các dịch vụ trợ giúp xã hội do các đơn vị này cung cấp được nhà nước bao cấp toàn bộ, người sử dụng dịch vụ không phải chi trả bất cứ một khoản chi phí nào hoặc chỉ phải trả một phần rất nhỏ so với tổng chi phí của dịch vụ sử dụng. Việc bao cấp của nhà nước đối với các dịch vụ công đã dẫn đến thực tế là các đơn vị cung cấp dịch vụ công thiếu tính chủ động và sự linh hoạt trong việc cung cấp dịch vụ, đặc biệt là chưa, thậm chí không chú trọng đến việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ đối với đối tượng, không chủ động mở rộng loại hình dịch vụ cũng như mở rộng diện đối tượng sử dụng dịch vụ. Bên cạnh đó, sự bao cấp của nhà nước đối với dịch vụ công còn làm tăng tính ỷ lại vào nhà nước của các đối tượng hưởng dịch vụ, không phát huy được tính tự chủ, ý thức trách nhiệm của đối tượng. Các dịch vụ công về trợ giúp xã hội do tư nhân cung cấp cũng làm phát sinh một số những vấn đề về quản lý nhà nước, đặc biệt là trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ và tổ chức thu phí dịch vụ, được thực hiện không thống nhất, mỗi nơi một quy trình cung cấp dịch vụ khác nhau, mức giá khác nhau.

*Thứ ba, về dịch vụ công về giáo dục nghề nghiệp:*

Đổi mới và phát triển hệ thống dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố có tính chất quyết định để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Cả nước hiện có 189 trường cao đẳng nghề, 280 trường Trung cấp nghề và 1.005 trung tâm dạy nghề; đã chọn được 45/26 trường cao đẳng nghề chất lượng cao. Các trường, trung tâm dạy nghề chủ yếu tập trung ở các thành thị, các khu công nghiệp tập trung, các vùng kinh tế trọng điểm. Trong khi đó, vùng nông thôn, số trường, trung tâm dạy nghề rất ít. Đến nay còn 163 huyện chưa có trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân ở các vùng này được học nghề, đồng thời khó triển khai các chủ trương học tập suốt đời. Nhiều trường nghề thiết bị còn lạc hậu, không đáp ứng được chất lượng dạy và học nghề. Ngành nghề còn chưa phù hợp hoặc còn một số nghề có nhu cầu học nhưng cơ sở nghề chưa cung cấp được dịch vụ.

*Thứ tư, dịch vụ công về việc làm:*

Nhằm tăng cường kết nối cung – cầu lao động, các Trung tâm dịch vụ việc làm ở các địa phương đã từng bước nâng dần tần suất các phiên giao dịch việc làm, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với đặc trưng từng địa phương. Song song với việc tổ chức sàn giao dịch việc làm tại Trung tâm, nhiều địa phương đã tổ chức các sàn giao dịch vệ tinh, lưu động và các ngày hội tư vấn, giới thiệu việc làm, từng bước đưa thông tin đến với người lao động và người sử dụng lao động, qua đó góp phần tăng cường kết nối cung - cầu lao động, giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật.... Tuy nhiên, dịch vụ việc làm có một số vấn đề sau: Hệ thống giao dịch trên thị trường lao động yếu còn yếu kém. Cơ cấu lao động chưa phù hợp với sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Chưa đáp ứng nhu cầu của di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị, vào các khu công nghiệp tập trung.

*Thứ năm, dịch vụ công về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng:*

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu lao động từng bước đổi mới phương thức hoạt động, phát triển nhiều hình thức dịch vụ tiên bộ, đầu tư có trọng điểm và nâng cao năng lực cạnh tranh. Lao động và chuyên gia đang làm việc ở nước ngoài với nhiều ngành nghề đa dạng như xây dựng, cơ khí, điện tử, dệt may, chế biến thủy sản, dịch vụ, vận tải biển, đánh bắt chế biến hải sản; chuyên gia y tế, giáo dục, nông nghiệp, tin học... Dịch vụ xuất khẩu lao động của các doanh nghiệp góp phần làm cho hàng vạn người có việc làm với thu nhập cao; giảm được khoản đầu tư khá lớn cho đào tạo nghề và giải quyết việc làm trong nước, người lao động được nâng cao tay nghề, tiếp thu được công nghệ sản xuất mới và phương pháp quản lý tiên tiến, được rèn luyện tác phong và kỷ luật lao động công nghiệp. Thị trường xuất khẩu lao động của nước ta từng bước ổn định và mở rộng, số thị trường nhận lao động Việt Nam ngày càng tăng lên. Việc chỉ đạo khai thác, củng cố và mở rộng thị trường đã được định hướng: tập trung khai thác, củng cố các thị trường trọng điểm, từng bước tiếp cận, thí điểm để mở rộng sang các khu vực. Các hợp đồng ký kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài đều phù hợp với luật pháp nước ta và luật pháp nước sử dụng lao động, phù hợp với mặt bằng thị trường và bảo đảm bảo được quyền lợi của Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động.

*Thứ sáu, dịch vụ công về phòng, chống tệ nạn ma túy:*

Theo thống kê của Bộ Công an đến cuối năm 2014, cả nước có 204.377 người nghiện, tăng 54.477 người so với năm 2010 (149.900/204.377), bình quân

mỗi năm tăng trên 7%. Phần lớn người sử dụng ma túy tổng hợp gặp phải vấn đề về sức khỏe tâm thần, nhiều trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng nghiêm trọng. Hiện trên địa bàn cả nước có 142 Trung tâm cai nghiện và quản lý sau cai, trong đó có 123 Trung tâm do Nhà nước quản lý và 19 Trung tâm do các tổ chức và cá nhân thành lập. Trong số Trung tâm do Nhà nước quản lý có 49 Trung tâm chỉ thực hiện cai nghiện; Nhiều nơi công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng được thực hiện như một thủ tục, điều kiện để đưa người đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm. Việc cung cấp các dịch vụ tư vấn điều trị nghiện và dự phòng tái nghiện còn hạn chế. Thiếu phương pháp và cách tiếp cận tạo sự tham gia của người nghiện trong các hoạt động phục hồi. Chưa có các hướng dẫn cụ thể về kỹ năng dự phòng tái nghiện hay sinh hoạt nhóm tự lực sau cai. Tại cộng đồng, công tác quản lý, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện chủ yếu là giao cho gia đình và các đoàn thể quản lý, giáo dục, chưa có sự vào cuộc của chính quyền. Do sự kỳ thị của cộng đồng đối với người nghiện, hầu hết người nghiện và gia đình người nghiện chưa được tiếp cận với nguồn vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội và các nguồn vay ưu đãi khác để tạo công ăn việc làm. Kinh phí hỗ trợ cho người nghiện khi tái hòa nhập cộng đồng tìm việc làm chưa đáp ứng được nhu cầu tìm việc hiện nay. Đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ và quản lý sau cai nghiện tại cộng đồng còn thiếu và yếu về chuyên môn, hầu như chưa được tập huấn các kỹ năng, nghiệp vụ hỗ trợ người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng, đặc biệt là những kỹ năng tư vấn dự phòng tái nghiện, kỹ năng kết nối chuyển gửi người sau cai tới các dịch vụ y tế, xã hội...

### **3. Một số đề xuất đổi mới cơ chế cung cấp dịch vụ công ngành lao động, thương binh và xã hội:**

Ở các quốc gia phát triển, hệ thống dịch vụ xã hội được phát triển theo ba hướng: Một, đó là những dịch vụ xã hội cơ bản dành cho những đối tượng yếu thế, nó bao gồm các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe ban đầu, hỗ trợ giải quyết việc làm; Hai: đó là những dịch vụ xã hội dành cho các đối tượng yếu thế nhưng muốn hoàn thiện mình và có khả năng tự chi trả, hoặc được chi trả bởi bên thứ ba, ví dụ như các dịch vụ về chữa răng, chăm sóc điều trị tại nơi ở, dịch vụ phục hồi chức năng cho người bệnh ở các bệnh viện...; Ba, đó là những dịch vụ xã hội dành cho mọi đối tượng trong xã hội có khả năng chi trả, ví dụ như các dịch vụ tự nguyện về điều trị tại nhà, dịch vụ chăm sóc người già tạo các gia đình, các cơ sở phục hồi chức năng người cai nghiện... ..

Trong quá trình này, nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành và tạo khuôn khổ pháp lý cho việc cung cấp các hệ thống dịch vụ xã hội cho những đối tượng yếu thế thông qua hệ thống luật lệ và chính sách, từ đó tạo điều kiện

cho những đối tượng yếu thế này có điều kiện tiếp cận tốt nhất cuộc sống cộng đồng. Vì thế, với vai trò chủ đạo trong việc hình thành và cung cấp dịch vụ xã hội, Nhà nước chủ động trao quyền cho những cá nhân tổ chức có khả năng đảm nhận và chia sẻ việc cung cấp dịch vụ xã hội cho các đối tượng yếu thế thông qua các hợp đồng chuyên nhượng.

Ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay, khi công cuộc cải cách kinh tế, cải cách hành chính nhà nước đang được đẩy mạnh và đi vào chiều sâu, thì việc đổi mới cơ chế cung cấp dịch vụ công nói chung và ngành Lao động, Thương binh và Xã hội nói riêng cần được đặt ra như một đòi hỏi khách quan, cấp bách của cuộc sống và cần phải đi theo xu hướng chung của thế giới hiện đại về đổi mới tổ chức quản lý và cung cấp dịch vụ công. Trong thời gian tới, việc đổi mới cơ chế cung cấp dịch vụ công ngành Lao động, Thương binh và Xã hội cần tập trung một số nội dung sau:

a) Hoàn thiện thể chế chính sách, tạo lập cơ sở pháp lý cho quản lý và cung cấp dịch vụ công lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Cơ sở pháp lý sẽ đảm bảo sự ổn định và thúc đẩy cho hệ thống cung cấp dịch vụ công cho toàn xã hội phát triển, dù là nhà nước hay tư nhân cung cấp dịch vụ công. Các khuôn khổ pháp lý cần tạo điều kiện cho các đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ công được phát huy tính sáng tạo, cạnh tranh công bằng. Nhà nước cần tham gia vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, định hướng phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ công theo nhóm dịch vụ, đồng thời tổ chức chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy hoạch, chiến lược này.

b) Phân quyền trong quản lý và cung cấp dịch vụ công: Nhằm phát huy tối đa năng lực của các cơ quan lý nhà nước cấp địa phương, Chính phủ cần có sự phân quyền cho cấp địa phương trong quản lý và cung cấp dịch vụ công. Đây sẽ là một hướng cải cách mới trong cung cấp dịch vụ công, nhằm giảm bớt áp lực của bộ máy nhà nước trên cấp trung ương. Và trên thực tế, có nhiều dịch vụ công trong lĩnh vực xã hội mà các cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương là những người hiểu rõ hơn cả về những thuận lợi, khó khăn, thách thức cũng như nhu cầu của người dân, do đó họ sẽ có những sáng kiến mới trong việc thay đổi cách tiếp cận dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả của dịch vụ. Cần phân định rõ những dịch vụ công do cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện, hoặc cho phép tư nhân tham gia; cơ cấu lại chi tiêu ngân sách theo hướng tập trung đầu tư thích đáng cho việc cung ứng các dịch vụ cơ bản, thiết yếu nhất; đáp ứng các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia, phục vụ người dân các vùng khó khăn, hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội...

c) Đa dạng hóa các phương pháp quản lý dịch vụ công: Thay đổi phương pháp quản lý dịch vụ công theo hướng đa dạng hóa là một lựa chọn tốt cho việc cải cách phương thức cung cấp dịch vụ công. Nhà nước cần đa dạng hóa phương thức quản lý đối với cung cấp dịch vụ công của các đơn vị thuộc nhà nước bằng một số cách như: đổi mới phương thức phân bổ ngân sách chuyển từ cấp phát kinh phí đầu vào sang hỗ trợ kinh phí đầu ra dựa vào số lượng và chất lượng dịch vụ; thực hiện việc giao kế hoạch, phân bổ chỉ tiêu, đặt hàng và thanh toán theo đơn đặt hàng đối với các đơn vị cung ứng. Đặc biệt, điều quan trọng là cần bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường vai trò giám sát của người dân trong hoạt động cung cấp dịch vụ công, đây là một trong những điều kiện quyết định để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của các mô hình cung cấp dịch vụ công.

d) Xây dựng bảng giá dịch vụ công: Mặc dù có những loại dịch vụ công được chuyển giao quyền cung cấp hoàn toàn cho khu vực tư nhân, nhưng để tránh việc lạm dụng quyền hạn trong quy định phí dịch vụ, nhà nước cần quản lý việc xây dựng phí dịch vụ sao cho hợp lý và tiếp cận được với mọi đối tượng xã hội. Nhà nước cần nghiên cứu để ban hành cơ chế, chính sách quy định tiêu chuẩn, định mức chất lượng dịch vụ, đi kèm theo giá cả dịch vụ một cách công khai trên mọi phương tiện đại chúng. Đồng thời phải phát huy tốt được vai trò thanh tra, giám sát việc thu phí dịch vụ của các tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm thu phí. Một số loại dịch vụ công miễn phí và những trợ giúp xã hội cho các đối tượng chính sách hoặc đối tượng thụ hưởng có điều kiện, nhà nước cần xây dựng được bộ công cụ nhằm xác định đúng và đủ các đối tượng thụ hưởng, nhằm đảm bảo sự công bằng trong xã hội và đảm bảo sự hỗ trợ của nhà nước đến được đúng các đối tượng nhất.

đ) Xây dựng cơ chế khuyến khích sự tham gia của khu vực ngoài nhà nước nhằm thúc đẩy hợp tác công – tư trong quản lý và cung cấp dịch vụ công. Sự tham gia của nhân dân nhằm nâng cao hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ công cũng rất quan trọng vì chính họ sẽ là người đóng góp cho việc cung cấp dịch vụ được hoàn thiện hơn. Hiện nay có hai hình thức phổ biến cho sự hợp tác công - tư mà Việt Nam có thể áp dụng theo. Hình thức đầu tiên là nhà nước và nhân dân cùng làm. Theo đó, nhà nước sẽ liên doanh liên kết với các thành phần kinh tế khác trong xã hội để cung cấp dịch vụ công. Nhờ vậy mà nhà nước vừa trực tiếp tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ công, vừa hạn chế được sự phình to của bộ máy do nhu cầu về dịch vụ công ngày càng cao. Hình thức thứ hai là nhà nước sẽ tạo hành lang pháp lý cho việc cung cấp dịch vụ dưới nhiều hình thức khác nhau, công dân và các tổ chức khác có thể lựa chọn tham gia cung cấp dịch vụ. Từ đó, nhà nước sẽ giữ vai trò là nhà quản lý ở tầm vĩ mô, tạo ra một hành lang pháp lý

thuận lợi nhằm có được sự cạnh tranh bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ công cho các đơn vị cá nhân ngoài nhà nước. Cách thứ nhất dường như phù hợp hơn trong bối cảnh kinh tế xã hội Việt Nam khi các thành phần kinh tế nhà nước vẫn đóng vai chủ chốt, còn khu vực tư nhân chỉ có thể cạnh tranh được trong một vài loại dịch vụ công như dịch vụ vận tải, môi trường. Nhằm thu hút được sự tham gia của khu vực ngoài nhà nước và tăng cường xã hội hóa các nguồn lực trong cung cấp dịch vụ công, nhà nước nên có những chính sách, cơ chế ưu đãi cho những đơn vị này khi tham gia cung ứng dịch vụ công bằng cách xây dựng hành lang pháp lý công bằng, đảm bảo công khai minh bạch, hỗ trợ một phần trong những bước khởi đầu về tài chính hoặc kỹ thuật. Việc xác định mô hình và phương thức cung cấp dịch vụ công phù hợp là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của dịch vụ công. Nhà nước nên khuyến khích sự cạnh tranh thị trường giữa các đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ với chi phí thấp nhất. Nhờ vậy nhà nước có thể phát huy các nguồn lực xã hội và ưu thế của các đơn vị ngoài nhà nước cho việc cung cấp dịch vụ công nhưng không làm giảm đi vai trò, trách nhiệm của Nhà nước trong việc quản lý lĩnh vực này.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công: Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ công điện tử theo hướng hình thành một cổng thông tin điện tử tích hợp dùng chung cho tất cả các dịch vụ công thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Thiết lập các giao diện ứng dụng quản lý và cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội một cách đơn giản, dễ hiểu và phù hợp với mọi lứa tuổi và mọi cá nhân, tổ chức. Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ (cơ sở dữ liệu tập trung, kết nối dữ liệu, dịch vụ trực tuyến, thẻ thông minh...); từng bước thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3 và mức độ 4. Hoàn thiện hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Xây dựng bộ mã số an sinh xã hội bảo đảm kết nối với mã số định danh nhằm quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội và hình thành trung tâm tích hợp dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.



**CHUYỂN ĐỔI CHỨC NĂNG CỦA CHÍNH PHỦ VÀ BỘ MÁY  
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở ĐỊA PHƯƠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU  
ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ QUỐC GIA THEO HƯỚNG  
HIỆN ĐẠI, HIỆU QUẢ**

*Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh*

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định ba đột phá chiến lược, trong đó có nội dung “Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả”. Đây là lần đầu tiên khái niệm “quản trị quốc gia” được đưa vào Văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Hiểu rộng nhất, khái niệm “quản trị quốc gia” đề cập đến các hoạt động đối nội và đối ngoại của một đơn vị hết sức căn bản là “quốc gia” hay “đất nước”. Quản trị quốc gia hàm ý các hệ thống kinh tế - chính trị trong những không gian lãnh thổ có chủ quyền, và quyền lực được phân bổ cho các chủ thể cả trong và ngoài nhà nước. Nói cách khác, hoạt động quản trị quốc gia là việc thực thi quyền lực chính trị, kinh tế, và hành chính để giải quyết các vấn đề ở mọi cấp độ. Đó là tất cả các hoạt động nhằm “chèo lái” con thuyền đất nước với mục tiêu chung. Cụ thể hơn, hệ thống quản trị quốc gia bao gồm các cơ chế, quá trình, và thể chế qua đó công dân và các nhóm xã hội khớp nối các lợi ích đa dạng, thực thi các quyền pháp lý của họ, hoàn toàn bốn phần của họ và điều hòa sự khác biệt cả về quan điểm và lợi ích giữa họ.

Từ khái niệm trên, đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, trong điều kiện đất nước đã hội nhập quốc tế sâu rộng và đang trong tiến trình thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để quản trị hiện đại, hiệu quả, tất yếu bộ máy hành chính nhà nước phải hoạt động hiệu lực, hiệu quả và ngược lại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước là một nhiệm vụ của quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Việc bộ máy hành chính nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả được thực hiện thông qua chức năng của mình.

Ở nước ta, bộ máy hành chính nhà nước được chia thành bộ máy hành chính nhà nước ở Trung ương gồm Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương gồm UBND các cấp, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện có chức năng cụ thể như sau:

Theo Điều 94 Hiến pháp năm 2013 và Điều 1 Luật tổ chức Chính phủ năm 2015, chức năng của Chính phủ là thực hiện quyền hành pháp. Với chức năng thực hiện quyền hành pháp, Chính phủ thực hiện việc hoạch định và điều hành chính sách quốc gia, tổ chức thực hiện Hiến pháp và pháp luật để duy trì và bảo

vệ trật tự công cộng, bảo vệ lợi ích quốc gia, bảo vệ quyền con người, quyền công dân thường được thực thi qua các hoạt động chủ yếu sau: (i) hoạch định và điều hành chính sách quốc gia; (ii) dự thảo và trình Quốc hội các dự án luật; (iii) ban hành các kế hoạch, chính sách cụ thể và văn bản dưới luật để các cơ quan hành chính nhà nước thực thi các chủ trương, chính sách và luật đã được Quốc hội thông qua; (iv) quản lý, điều hành vĩ mô, hướng dẫn, điều hành và giám sát thực hiện kế hoạch, chính sách, chủ trương; (v) thiết lập trật tự công (trật tự hành chính) trên cơ sở các quy định của luật; (vi) phát hiện, điều tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc/và yêu cầu tòa án xét xử theo trình tự thủ tục tư pháp.

Khoản 1 Điều 39 Luật tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015 xác định chức năng của Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Khoản 1 Điều 8 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 xác định: *“Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên”*. Với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, UBND là cơ quan thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước, chấp hành Nghị quyết của HĐND cùng cấp cũng như các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

Khoản 1 Điều 9 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 xác định: *“Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân được tổ chức ở cấp tỉnh, cấp huyện, là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên”*.

Trong thời gian qua, Chính phủ và các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước đã thực hiện chức năng quản lý thông qua hệ thống hành chính và cơ chế thị trường nhằm đạt được hiệu lực, hiệu quả trong thực thi chính sách của mình. Đó là tư duy quản lý truyền thống. Theo đó, quản trị hiện đại hướng đến thỏa mãn các mong đợi của số đông người dân trong quá trình lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước, chứ không chỉ nhằm đạt được hiệu lực hay hiệu quả trong thực thi chính sách của chính quyền. Bởi vậy, quản trị hiện đại cho thấy sự đa chủ thể và đề cao sự hợp tác giữa các chủ thể, cả công và tư, cả trong nước và quốc tế, giải quyết các vấn đề mang tính tập thể.

Trong nền quản trị hiện đại, do sự đa dạng về lợi ích nào cũng phải được tôn trọng nên các chủ thể phải hợp tác và đồng thuận với nhau trong việc ra quyết định tập thể. Nói cách khác, tiến trình xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại đối với thách thức đổi mới hệ thống thể chế để có thể thu hút các chủ thể ngoài nhà

nước cùng tham gia vào quản trị quốc gia. Để huy động và duy trì được sự tham gia của các chủ thể đa dạng, việc điều chỉnh thiết kế thể chế đang dung nạp các chủ thể khác nhau và bảo đảm những cam kết đa chủ thể có thể thực thi sẽ là thách thức lãnh đạo hàng đầu.

Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả, vấn đề đặt ra là có cần thiết chuyển đổi chức năng của Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương và thực hiện chuyển đổi như thế nào?

Về đánh giá sự cần thiết chuyển đổi của Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương, phải thấy rằng cần có sự chuyển đổi chức năng của Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương, để đáp ứng yêu cầu nhằm chuyển đổi tư duy từ quản lý sang quản trị quốc gia bởi lẽ:

Thứ nhất, trong xã hội hiện đại, những giới hạn về khả năng và nguồn lực của nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng khiến cho sự hợp tác với các chủ thể ngoài xã hội là xu hướng tất yếu. Tiến trình đổi mới đất nước ta gần đây cũng cho thấy sự tham gia ngày càng tích cực của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế, và cá nhân công dân, sát cánh cùng chính quyền để giải quyết các vấn đề chung ở mọi cấp độ, từ địa phương tới khu vực hay quốc gia. Thực tế này cũng phù hợp với chủ trương nhất quán của Đảng về đổi mới hệ thống chính trị - hành chính theo hướng tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Do đó, Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương không thể quản lý thông qua hệ thống hành chính và cơ chế thị trường mà cần có sự tham gia tích cực của người dân, các chủ thể khác trong xã hội quá trình quản lý, điều hành xây dựng đất nước.

Thứ hai, việc rà soát chuyển đổi chức năng của Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước cũng là cơ hội để đánh giá lại quá trình thực hiện chức năng của Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước xem có đáp ứng được yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả. Từ đó, có những đề xuất giải pháp thực hiện cho phù hợp.

Về cách thức chuyển đổi chức năng của Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả:

Như đã trình bày ở trên, mỗi cơ quan trong bộ máy hành chính có chức năng cụ thể: Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, Bộ và cơ quan ngang Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc. UBND các cấp thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước ở địa phương, cơ quan chuyên môn thuộc UBND được tổ chức ở cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương. Như vậy, theo quy định của pháp luật, không thể chuyển đổi chức năng của Chính phủ và

bộ máy hành chính nhà nước thông qua các hoạt động của quá trình thực hiện chức năng. Cụ thể:

Đối với Chính phủ, trong quá trình hoạch định và điều hành chính sách quốc gia, Chính phủ phải hướng đến Chính phủ kiến tạo mang tính định hướng cho hoạt động hoạch định chính sách, tạo ra những chính sách phù hợp với thực tiễn và luôn linh hoạt, mềm dẻo trong quá trình điều hành. Chính sách này phải hợp với lòng dân, huy động được mọi tầng lớp tham gia thực hiện và đạt được mong đợi của người dân.

Về ban hành các kế hoạch, chính sách cụ thể và văn bản dưới luật để các cơ quan hành chính nhà nước thực thi các chủ trương, chính sách và luật đã được Quốc hội thông qua, Chính phủ cần ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có tính ổn định, đồng bộ, có hiệu lực thi hành lâu dài, phù hợp với thực tiễn, tránh tính trạng chông chéo, thường xuyên sửa đổi như hiện nay. Điều này giúp cho việc thực thi chính sách đạt được hiệu quả cao, giảm được chi phí của quá trình sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài ra, Chính phủ đẩy mạnh phân cấp cho Bộ, ngành, chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ của mình trên một số lĩnh vực để Chính phủ tập trung vào công việc hoạch định, điều hành vĩ mô, chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi Chính phủ đảm nhận để huy động sức mạnh của các chủ thể khác tham gia vào quá trình ban hành hoặc tham mưu Chính phủ ban hành các văn bản pháp luật, các Bộ và cơ quan ngang Bộ hạn chế đến mức thấp nhất quy định các giấy tờ, điều kiện không cần thiết liên quan đến thủ tục hành chính, xóa bỏ cơ chế “xin – cho” trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với UBND các cấp, chủ động rà soát và đề xuất với cấp trên phân cấp cho mình thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Trong quá trình ban hành và thực thi chính sách ở địa phương, phải huy động sự tham gia của người dân, các chủ thể trong xã hội, đánh giá tác động của chính sách đó đến người dân như thế nào để có các giải pháp phù hợp khi chính sách được ban hành và luôn đặt lợi ích của người dân lên trên hết hướng đến sự mong đợi, hài lòng của người dân. UBND các cấp thực hiện chính sách điện tử, chính quyền số để quản lý địa phương một cách có hiệu quả nhất trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên đây là một số ý kiến về chuyển đổi chức năng của Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả, xin gửi đến Hội thảo./.

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CÁC CẤP TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

## *Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng*

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trình bày tại Đại hội Đảng khóa XIII đã đề ra chủ trương “Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả” tại phần “Những nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược của nhiệm kỳ Đại Hội XIII”. Trước yêu cầu đổi mới **quản trị** quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả; chuyển đổi chức năng của Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước là một trong những đòi hỏi khách quan và mang tính thực tiễn. Việc chuyển đổi chức năng là một trong những yếu tố tất yếu nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước, cần được xem xét, nghiên cứu, nhanh chóng triển khai thực hiện, đảm bảo vừa đón kịp xu hướng vận động của toàn thế giới, vừa dung hòa được với những đặc thù truyền thống và hiện tại của Việt Nam. Đối với cấp chính quyền địa phương, thực tiễn cho thấy, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương đã từng bước được cải cách nhưng vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Một trong những hạn chế, bất cập có liên quan đến việc phân định chức năng, nhiệm vụ của từng cấp chính quyền địa phương chưa rõ ràng, cụ thể; phân quyền, phân cấp quản lý giữa trung ương - địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương vẫn còn nhiều vướng mắc. Do vậy, tiếp tục đổi mới mô hình và hoạt động của cấp chính quyền địa phương gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương các cấp là một trong những nhiệm vụ cấp bách và đang được đẩy mạnh triển khai song hành tại thành phố Hải Phòng.

Thành phố Hải Phòng là đô thị loại I trung tâm cấp Quốc gia, có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước; có đường địa giới hành chính phía Bắc giáp với tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp với tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp với tỉnh Thái Bình, phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ với đường bờ biển dài 125km; có diện tích tự nhiên 1.562km<sup>2</sup>, tổng dân số thành phố năm 2020 là 2.099.357 người; với 15 quận, huyện và 217 xã, phường, thị trấn trực thuộc. Tổ chức chính quyền thành phố nhiệm kỳ 2016-2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện theo đúng quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, gồm Hội đồng nhân dân các cấp và Ủy ban nhân dân các cấp tương đương, cụ thể:

### **1. Về Hội đồng nhân dân các cấp**

Hội đồng nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2021-2026 có 67 đại biểu (giảm 02 đại biểu so với nhiệm kỳ 2016-2021). Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

hiện có: Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch hoạt động chuyên trách (giảm 01 người so với nhiệm kỳ 2016-2021), 04 Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân (Ban Đô thị, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp chế, Ban Văn hóa - Xã hội); Hội đồng nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố nhiệm kỳ 2021-2026 có tổng số 496 đại biểu (giảm 28 đại biểu so với nhiệm kỳ 2016-2021). Thường trực Hội đồng nhân dân quận, huyện hiện có: Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch hoạt động chuyên trách/1 quận, huyện (giảm 01 người so với nhiệm kỳ 2016-2021). Hội đồng nhân dân quận, huyện thành lập 02 Ban: Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Ngân sách; Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố nhiệm kỳ 2021-2026 có tổng số 5.187 đại biểu (giảm 497 đại biểu so với nhiệm kỳ 2016-2021). Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn hiện có: Chủ tịch (hoạt động kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân/1 xã, phường, thị trấn; Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn thành lập 02 Ban: Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội (tương tự như nhiệm kỳ 2016-2021).

## **2. Về Ủy ban nhân dân các cấp**

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hiện có: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, 03 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (còn thiếu 01 Phó Chủ tịch so với quy định); 20 Ủy viên Ủy ban nhân dân là người đứng đầu 18 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Giám đốc Công an thành phố, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự thành phố. Các sở, ban, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân thành phố là: 20 đơn vị. Số lượng phòng, chi cục và tương đương thuộc 20 sở, ban, ngành và tương đương hiện tại là **167**; giảm **19** phòng, chi cục và tương đương (=10,2%) so với thời điểm 31/12/2015 (186 phòng, chi cục và tương đương). Số lượng phòng và tương đương thuộc chi cục và tương đương thuộc các sở, ngành là **89** đơn vị, giảm **26** đơn vị (tương ứng giảm 22,6%) so với thời điểm 31/12/2015 (**115 đơn vị**). Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, gồm có: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân là người đứng đầu các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện và Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an). Số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được bố trí căn cứ kết quả phân loại đơn vị hành chính theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Nghị định số 08/2016/NĐ-CP (*loại 1: không quá 03 Phó Chủ tịch, loại 2, 3: không quá 02 Phó Chủ tịch*), theo đó thành phố Hải Phòng chỉ có 02 huyện được bố trí tối đa 03 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (huyện Thủy Nguyên và Vĩnh Bảo, 13 quận huyện còn lại chỉ được bố trí không quá 02 Phó Chủ tịch). Như vậy, toàn thành phố được bố trí tối đa 15 Chủ tịch Ủy ban nhân dân và 32 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân các quận,

huyện hiện có **167** phòng chuyên môn, giảm **6** phòng so với thời điểm triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Kế hoạch số 91-KH/TU ngày 09/01/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, trong đó thành phố đã tiến hành thí điểm hợp nhất một số cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện: Hợp nhất Văn phòng quận, huyện ủy với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện thí điểm tại 03 đơn vị: quận Hồng Bàng, huyện An Dương, An Lão; Hợp nhất Ban Tổ chức cấp ủy với Phòng Nội vụ thí điểm tại 02 đơn vị: huyện Kiến Thụy và quận Kiến An; Hợp nhất cơ quan Ủy ban kiểm tra cấp ủy với cơ quan Thanh tra thí điểm tại huyện Kiến Thụy. Hiện nay, thành phố Hải Phòng đang triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, dự kiến sau khi thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn sẽ giảm: 2 ban, chi cục và 9 phòng chuyên môn thuộc sở, ngành; giảm 18 phòng chuyên môn thuộc ban, chi cục và giảm 2 phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, gồm có: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an. Số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bố trí căn cứ kết quả phân loại đơn vị hành chính theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Nghị định số 08/2016/NĐ-CP và Nghị định số 69/2020/NĐ-CP (loại I và loại 2 có không quá hai Phó Chủ tịch; loại III có một Phó Chủ tịch). Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các Quyết định công nhận phân loại ĐVHC cấp xã, gồm: 54 loại I, 141 loại II, 22 loại III, theo đó, toàn thành phố được bố trí tối đa 217 Chủ tịch Ủy ban nhân dân và 412 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (tăng 141 người so với nhiệm kỳ 2016-2021). Tính đến thời điểm hiện nay, thành phố Hải Phòng có 906 đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả các Ban Quản lý dự án), giảm **102** đơn vị (tương ứng tỷ lệ 10,12%) so với thời điểm 31/12/2015 (1.008 đơn vị), vượt chỉ tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 08/NQ-CP và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy đề ra; trong đó: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc Ủy ban nhân dân thành phố: 12 đơn vị; ĐVSNCL thuộc các sở, ngành: 157 đơn vị; ĐVSNCL thuộc chi cục và tương đương: 2 đơn vị; ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố: 12 đơn vị; ĐVSNCL thuộc quận, huyện: 734 đơn vị.

### **3. Đánh giá chung**

Việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế tại thành phố Hải Phòng trong thời gian qua từng bước đã phân định rõ chức năng, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp, cơ bản đã khắc phục tình trạng chồng

chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng quản lý; cơ cấu bên trong đã có sự phân định rõ hơn giữa cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính được phát huy mạnh mẽ. Việc sắp xếp cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp thành phố, cấp huyện phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Trung ương.

Bên cạnh thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, thành phố Hải Phòng trong những năm qua đã từng bước chỉ đạo đổi mới, tăng cường phân cấp quản lý nhà nước đồng thời quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của chính quyền các cấp. Ngay sau khi được bầu tại kì họp thứ nhất Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện, xã, phường thị trấn đều khẩn trương xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân; quy định rõ thẩm quyền chung của tập thể Ủy ban nhân dân; trách nhiệm tham mưu giúp việc của các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân với cấp ủy cùng cấp; Hội đồng nhân dân cùng cấp... Trong hoạt động, mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thành viên Ủy ban nhân dân đều tuân thủ các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên, sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Giai đoạn 2016-2021, thành phố Hải Phòng đã thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho các cơ quan, đơn vị và các cấp chính quyền địa phương trên nhiều lĩnh vực quan trọng như: lĩnh vực đầu tư - xây dựng - giao thông, quản lý nhà quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý đầu tư, quản lý ngân sách nhà nước và quản lý vốn tại các doanh nghiệp nhà nước; quản lý đất đai, tài nguyên; quản lý công thương, quản lý các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công; quản lý về tổ chức bộ máy và cán bộ công chức... Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công được trao cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, nhân lực, tổ chức, cán bộ; các chủ trương, biện pháp cụ thể để khuyến khích phát triển và đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công ở các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, văn hoá, thể dục thể thao... Việc tăng cường phân cấp đã tạo sự chủ động, sáng tạo trong giải quyết công việc, giảm thời gian hội họp, xin ý kiến cấp trên, hạn chế cơ chế xin - cho; góp phần khai thác, sử dụng tốt các nguồn lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phục vụ tốt hơn nhu cầu của tổ chức và lợi ích của nhân dân; nâng cao trách nhiệm của cấp được ủy quyền, trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu địa phương, đơn vị trong thực



hiện chức trách nhiệm vụ. Quy trình giải quyết công việc được rút ngắn, giảm số lượng văn bản, chuyển dần những việc mang tính sự vụ, dịch vụ hành chính công đang do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện sang cho tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa bộ máy. Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc phân cấp, phân quyền tại thành phố Hải Phòng vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế như: việc phân cấp nhiệm vụ cho cấp dưới nhưng chưa bảo đảm tương ứng các điều kiện cần thiết để thực hiện; còn thiếu sự ăn khớp, đồng bộ giữa các ngành, các lĩnh vực có liên quan, chưa tạo điều kiện thực tế cho địa phương chủ động cân đối các nguồn lực và các nhu cầu cụ thể của mình. Trong đó, khó khăn nhất trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở các cấp chính quyền là sự thiếu thốn về nguồn nhân lực (do bị giới hạn về định mức biên chế và trình độ chuyên môn), hạn chế về nguồn kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra trong tình hình hiện nay. Bên cạnh đó một số nội dung phân cấp đã được pháp luật quy định nhưng chậm được triển khai thực hiện hoặc thực hiện không triệt để. Mặt khác, các quy định phân cấp hiện hành chưa phù hợp với thực tiễn của mỗi khu vực, chưa có sự phân biệt về những điều kiện, đặc điểm về sự khác nhau giữa quản lý ở đô thị và nông thôn.

Hướng tới hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Chính quyền địa phương các cấp, song song thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; phân cấp, phân quyền quản lý, thành phố Hải Phòng đang tiến hành thực hiện xây dựng mô hình chính quyền đô thị một cấp và hai cấp hành chính tương tự như mô hình đang áp dụng tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Thực tế tại Hải Phòng, bộ máy chính quyền các cấp ở nông thôn và đô thị bước đầu đã được đổi mới trên cơ sở phân biệt rõ ràng hơn chức năng, nhiệm vụ của chính quyền nông thôn và đô thị: sự khác nhau về tên gọi, cách tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền nông thôn và đô thị về cơ bản đã thể hiện sự phân định. Tuy nhiên, từ yêu cầu quản lý và phát triển đô thị, tổ chức chính quyền đô thị trên địa bàn thành phố hiện nay không phản ánh tính chất và đáp ứng yêu cầu phát triển của một cộng đồng đô thị, không đảm bảo chức năng hoàn chỉnh của một cấp chính quyền đô thị. Đô thị nói chung có những yếu tố đặc thù so với nông thôn như hạ tầng kỹ thuật công cộng, hạ tầng xã hội phúc lợi công cộng và các vấn đề xã hội đặt ra đòi hỏi chính quyền đô thị phải quản lý thống nhất, đồng bộ và liên thông quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đời sống dân cư trên địa bàn đô thị, do vậy tổ chức bộ máy, cơ chế, phương thức quản lý, thẩm quyền, trách nhiệm và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền đô thị phải có những đặc thù nhất định so với chính quyền ở nông thôn. Theo đó, căn cứ Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến

năm 2045, Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/11/2019 của Chính phủ, Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 08/7/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các văn bản quy phạm pháp luật quy định về tổ chức chính quyền đô thị (Hiến pháp 2013, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương) và các căn cứ thực tiễn từ 03/5 thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh; Sở Nội vụ Hải Phòng đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, báo cáo Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến Thường trực Thành ủy đồng ý chủ trương Xây dựng Đề án tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng. Cụ thể mô hình: cấp thành phố có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; các quận, phường (bao gồm cả phường thuộc thành phố trực thuộc thành phố) không tổ chức Hội đồng nhân dân ở quận, phường mà chỉ tổ chức cơ quan hành chính là Ủy ban nhân dân quận, phường; các huyện, xã, thị trấn; thành phố thuộc thành phố vẫn giữ mô hình chính quyền gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Kế thừa những kinh nghiệm của việc thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường trong giai đoạn 2009 - 2015, cùng thực tiễn tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh; thành phố Hải Phòng dự kiến hoàn thiện việc xây dựng Đề án chính quyền đô thị trong năm 2022, trình Thủ tướng Chính phủ vào quý III/2023; lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội hoàn thành trong quý III/2024; soạn thảo hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội thông qua hoàn thành trong quý I/2025. Khi chuyển đổi, mô hình mới được đánh giá là phù hợp với đặc điểm, tính chất của thành phố đô thị loại I, thành phố Hải Phòng sẽ phát huy được hết tiềm năng, lợi thế, hướng đến bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tính minh bạch trong quản lý.

Trên cơ sở tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, thành phố Hải Phòng sẽ tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền cấp thành phố và cấp quận, phường theo phương châm: việc nào cấp nào thực hiện có hiệu quả hơn thì giao cho cấp đó; việc nào, cấp nào thực hiện có hiệu quả hơn thì giao cho cấp đó; phân quyền, phân cấp phải rõ thẩm quyền, trách nhiệm và mỗi việc chỉ do một cấp thực hiện, gắn với chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp, đồng thời phải bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác. Những nhiệm vụ đã được phân quyền, chính quyền được phân cấp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các quyết định của mình; chính quyền cấp trên tăng cường kiểm tra, giám sát

nhưng không can thiệp, làm thay cấp dưới. Các nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp phải trên cơ sở “*bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất về thể chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch đối với các ngành, lĩnh vực; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia*”. Thay đổi thực hiện mô hình chính quyền đô thị, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương nói chung, chính quyền địa bàn đô thị và chính quyền địa bàn nông thôn nói riêng sẽ có nhiều khác biệt, được xây dựng lại và hoàn thiện hơn, từ thay đổi đó, thành phố sẽ có những cơ chế phù hợp với chính quyền địa bàn đô thị và nông thôn, tạo điều kiện phát triển thuận lợi, phù hợp cho cả hai.

Từ thực tiễn và quy luật phát triển chung, thành phố Hải Phòng trong thời gian tới cần đẩy mạnh một số giải pháp sau đây nhằm hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương các cấp, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả:

Thứ nhất, xây dựng mô hình chính quyền phù hợp: tiếp tục thực hiện theo hướng giảm cấp trung gian trong hệ thống chính quyền đô thị để bảo đảm mô hình chính quyền đô thị thống nhất, liên thông, hoạt động hiệu quả hơn, hướng đến mục tiêu gần dân, phục vụ nhân dân tốt hơn. Với thành phố Hải Phòng, sau khi được Quốc hội thông qua Nghị quyết về Tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố, đề nghị tăng cường phân quyền, phân cấp cho chính quyền đô thị, bảo đảm cho chính quyền đô thị quyền tự chủ trong các lĩnh vực từ ngân sách, tài chính, tổ chức bộ máy đến quản lý dân cư, bảo vệ môi trường... Bên cạnh đó, với mỗi loại đô thị cần có mô hình tổ chức chính quyền phù hợp, đảm bảo yêu cầu phát triển của đô thị. Đối với các đô thị lớn hoặc khu vực lõi đã được phát triển hoàn thiện thì tổ chức bộ máy và sự trao quyền rộng rãi hơn để đô thị có khả năng tự quyết nhiều vấn đề phát triển và phức tạp như quy hoạch, hạ tầng và đất đai; các đô thị quy mô nhỏ, tổ chức bộ máy tinh gọn và được giao tự chủ các vấn đề thấp hơn.

Thứ hai, đẩy mạnh đổi mới bộ máy chính quyền địa phương tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục hoàn thiện tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, xu hướng cải cách theo hướng tinh gọn đầu mối các cơ quan trực thuộc của Ủy ban nhân dân, bám sát Nghị định số 24/2014/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 107/2020/NĐ-CP) và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 108/2020/NĐ-CP). Các nghị định này là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc kiện toàn tổ chức bộ máy, đồng thời xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ

quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý đối với các ngành, lĩnh vực quản lý. Tập trung điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số Sở, cơ quan ngang Sở, phòng và tương đương để khắc phục triệt để sự chồng chéo, giao thoa chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; đồng thời phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan và phù hợp với chức năng của các bộ, cơ quan ngang bộ ở Trung ương. Trên cơ sở đó, nghiên cứu quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ; Chính phủ quy định khung các cơ quan chuyên môn giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, căn cứ điều kiện cụ thể, tiêu chí quy định khung của Chính phủ, địa phương có thể lập (hoặc không lập) cơ quan, tổ chức đặc thù sau khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, nghiên cứu theo hướng tổ chức hợp lý các sở đa ngành, đa lĩnh vực.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với thanh tra, kiểm tra; quy định cụ thể việc thực hiện phân cấp, phân quyền để tránh phân cấp, ủy quyền tràn lan. Đồng thời, phân định rõ trách nhiệm tập thể và trách nhiệm cá nhân, bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, thông suốt và hiệu quả; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp và từng cá nhân người đứng đầu các sở, ngành, địa phương và đơn vị. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm, quyết tâm chính trị của người đứng đầu cơ quan hành chính; đề cao trách nhiệm - trách nhiệm chính trị, trách nhiệm pháp luật, trách nhiệm đạo đức của cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức.

Thứ tư, thành phố Hải Phòng tiến tới không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường nhằm tổ chức hợp lý chính quyền địa phương ở quận, phường như một chỉnh thể thống nhất về quy hoạch, phát triển kinh tế-xã hội, kết cấu hạ tầng, đời sống dân cư...đảm bảo quản lý trực tiếp, thông suốt, hiệu quả. Tuy nhiên đối với cấp chính quyền duy trì song song Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đề nghị điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhằm bảo đảm thực quyền và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Hội đồng nhân dân là thiết chế tiếp nhận quyền lực uỷ quyền từ cộng đồng dân cư địa phương để thực hiện quyền lực nhà nước tại địa phương. Hội đồng nhân dân lập ra Ủy ban nhân dân với các mối quan hệ về chấp hành, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân. Do vậy, cần đề cao vai trò của Hội đồng nhân dân và từ đó hoàn thiện thể chế tổ chức, hoạt động và bảo đảm các điều kiện để Hội đồng nhân dân thực sự là cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương; bầu ra và giám sát hoạt động của cơ quan hành

chính. Để đạt được điều đó, cần đổi mới hoạt động lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, theo hướng chú trọng phẩm chất, năng lực đại biểu hơn là cơ cấu, tăng số lượng đại biểu chuyên trách, giảm đại biểu giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.

Phải nhận thức rõ sự giám sát của Hội đồng nhân dân chính là sự giám sát của nhân dân đối với những thiết chế thực thi quyền lực nhà nước ở địa phương. Do đó, hoàn thiện cơ chế giám sát của Hội đồng nhân dân cần được hoàn thiện theo hai phương diện: Một là, công khai, minh bạch hóa hoạt động giám sát: Tất cả hệ thống quy trình, nội dung và kết quả giám sát đều phải được công khai, minh bạch để sử dụng sức mạnh của dư luận, sức mạnh của nhân dân nhằm đảm bảo hiệu quả thực chất của hoạt động này. Hai là, cần quy định cụ thể hơn nữa nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình giám sát của Hội đồng nhân dân và các cơ quan của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân; đặc biệt, cần phải quy định rõ việc xử lý, thực hiện các kiến nghị của các chủ thể giám sát và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức và cơ quan chịu sự giám sát, sao cho lơ là không thực hiện giám sát hoặc chỉ thực hiện một cách hình thức thì các chủ thể giám sát cũng phải bị xử lý. Bên cạnh đó cần phải xây dựng một cơ chế lãnh đạo hợp lý đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, bảo đảm tính dân chủ. Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, chính sách nhưng các quyết nghị về các vấn đề của địa phương do luật định phải do Hội đồng nhân dân thực sự quyết định.

Thứ năm, hoàn thiện hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao. Đẩy mạnh việc chuyển giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển thị trường, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công, thu hút mạnh mẽ các loại hình kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công; rà soát, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Kiên quyết thực hiện việc chuyển giao các nhiệm vụ, công việc không thuộc chức năng của bộ máy hành chính cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp tư nhân đảm nhiệm.

Trên đây là nội dung tham luận về thực trạng và giải pháp hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ Chính quyền địa phương các cấp trong giai đoạn hiện nay từ thực tiễn thành phố Hải Phòng. Tại thành phố Hải Phòng, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương các cấp được xác định là một trong những yếu tố cốt lõi đảm bảo vận hành bộ máy chính quyền địa phương các cấp thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Đây là nhiệm vụ vô cùng cần thiết, đòi hỏi vừa đảm bảo tính ổn định song cần kịp thời điều chỉnh đáp ứng yêu cầu mới của xã hội, sự biến

động của tình hình kinh tế và xu thế toàn cầu hóa. Trong quá trình thực hiện, thành phố Hải Phòng bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực song cũng rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm. Thành phố Hải Phòng quyết tâm, nỗ lực phấn đấu hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ chính quyền các cấp, xây dựng bộ máy chính quyền địa phương hiệu lực, hiệu quả, hướng đến mục tiêu phát huy tối đa tiềm năng và thế mạnh, đảm bảo cho sự phát triển bền vững và đột phá của thành phố Hải Phòng trong thời gian tới./.

